



shí fēn

时分

noun (time phrase) · time; moment

Example Sentences

Huáng hūn shí fēn tiān kōng hěn měi
黄 昏 时 分 ， 天 空 很 美 。

At dusk, the sky is beautiful.

Yè shēn shí fēn jiē shàng jī hū méi yǒu xíng rén
夜 深 时 分 ， 街 上 几 乎 没 有 行 人 。

In the dead of night, there are almost no pedestrians on the street.

Trace each character, then write the word on your own.

时 时 时 时 时 时 时 时 时 时

分 分 分 分 分 分 分